

DANH SÁCH XẾP HẠNG

STT	Tên đăng nhập	Họ tên	Tên Lớp	Số câu đúng	Thời gian(S)
1	tca1-1954	Võ Kiều Hải Đăng	2A2	28	809
2	tca1-2404	Vũ Phúc Hải Lâm	2A2	27	1176
3	tca1-2065	Lê Nhật Huy	2A1	25	995
4	tca1-2391	Đoàn Ngọc Bảo Nam	2A5	25	1186
5	tca1-2068	Dương Vũ Ngọc Linh	2A1	24	926
6	tca1-1911	Vũ Anh Khôi	2A3	24	939
7	tca1-0252315	Lê Minh Hoàng	2A4	23	802
8	tca1-1868	Nguyễn Phong Quân	2A5	23	1176
9	tca1-2067	Nguyễn Ngọc Khôi	2A1	22	1090
10	tca1-1946	Lê Tường Vy	2A3	22	1122
11	tca1-0252075	Bùi Huy Vũ	2A1	22	1164
12	tca1-1894	Tổng Linh Hương	2A3	22	1185
13	tca1-2360	Nguyễn Nhật Minh	2A6	21	790
14	tca1-1864	Đỗ Nam Lâm	2A3	21	1168
15	tca1-494	Trần Bùi Trung Dũng	2A3	21	1196
16	tca1-1961	Nguyễn Huy Hoàng	2A4	19	1079
17	tca1-2347	Nguyễn Thùy Chi	2A6	18	1184
18	tca1-0252079	Trần Quang Minh	2A1	18	1196
19	tca1-2389	Hà Khánh My	2A5	17	1167
20	tca1-2382	Đỗ Thiên Anh	2A5	17	1186
21	tca1-2628	Nhâm Vương Chí Dũng	2A2	17	1198
22	tca1-9004	Nguyễn Phương My	2A5	16	1178
23	tca1-0252301	Đồng Bảo An	2A1	15	1162
24	tca1-0252337	Trịnh Ngọc Mỹ Anh	2A6	13	1163
25	tca1-2388	Bàng Minh Lộc	2A5	12	1170
26	tca1-2385	Trương Minh Huy	2A5	8	1186
27	tca1-2355	Lê Anh Khang	2A6	6	1110